

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ GIẢI TRÍ AVA GROUP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ GIẢI TRÍ AVA GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AVA GROUP ENTERTAINMENT SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: AVA GROUP CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110211518

**3. Ngày thành lập:** 20/12/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 3, Số 50-52 Phố Hàng Bè, Phường Hàng Bạc, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0986656328

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                              | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa (Loại trừ đấu giá)                                                           | 4610     |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                 | 4620     |
| 3.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                     | 4632     |
| 4.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                       | 4633     |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                     | 4649     |
| 6.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                    | 4651     |
| 7.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                     | 4652     |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                        | 4659     |
| 9.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Trừ vàng, các loại nhà nước cấm                                                                                 | 4662     |
| 10. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                | 4663     |
| 11. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Tổ chức sự kiện                                                                                 | 8230     |
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Loại trừ đấu giá) | 8299     |
| 13. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí                                                                                                             | 9000     |
| 14. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động của các sàn nhảy, hoạt động của các phòng hát karaoke                   | 9329     |
| 15. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                  | 6201     |
| 16. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                    | 6202     |

|     |                                                                                                                                                                              |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                              | 6209        |
| 18. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                           | 6311        |
| 19. | Cổng thông tin<br>(Không bao gồm hoạt động báo chí)                                                                                                                          | 6312        |
| 20. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí | 6399        |
| 21. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                          | 7110        |
| 22. | Quảng cáo                                                                                                                                                                    | 7310        |
| 23. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)                                                                       | 7320        |
| 24. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội thất.                                                                                                  | 7410        |
| 25. | Hoạt động nhiếp ảnh                                                                                                                                                          | 7420        |
| 26. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                            | 4690        |
| 27. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                         | 4711        |
| 28. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                            | 4721        |
| 29. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                             | 4722        |
| 30. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                               | 4723        |
| 31. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                    | 4730        |
| 32. | In ấn                                                                                                                                                                        | 1811        |
| 33. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                     | 1812        |
| 34. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                    | 1820        |
| 35. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                             | 4781        |
| 36. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                     | 4782        |
| 37. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                          | 4784        |
| 38. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá                                                                                   | 4791        |
| 39. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                             | 5610(Chính) |
| 40. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                     | 5621        |
| 41. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                         | 5629        |
| 42. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chi tiết: Hoạt động chế biến và phục vụ đồ uống cho khách hàng tiêu dùng tại chỗ của các quán bar, quán karaoke, quán rượu; có khiêu vũ           | 5630        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 43. | Xuất bản phần mềm<br>Chi tiết: Loại trừ xuất bản phẩm                                                                                                                   | 5820 |
| 44. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình                                                                                                | 5911 |
| 45. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                        | 5912 |
| 46. | Hoạt động chiếu phim<br>Chi tiết: Hoạt động chiếu phim cố định                                                                                                          | 5914 |
| 47. | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc                                                                                                                                    | 5920 |
| 48. | Hoạt động viễn thông có dây<br>Chi tiết: Dịch vụ viễn thông có dây                                                                                                      | 6110 |
| 49. | Hoạt động viễn thông không dây<br>Chi tiết: Dịch vụ viễn thông không dây                                                                                                | 6120 |
| 50. | Hoạt động viễn thông vệ tinh<br>Chi tiết: Dịch vụ viễn thông cố định vệ tinh                                                                                            | 6130 |
| 51. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: - Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại Internet);                                 | 6190 |
| 52. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741 |
| 53. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742 |
| 54. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 55. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771 |
| 56. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4772 |
| 57. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## **7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGUYỄN HUY LONG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 12/07/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001091006143

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Số 35 Lô 4 Tân Lập, Phường Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 35 Lô 4 Tân Lập, Phường Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN HUY LONG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/07/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001091006143

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 35 Lô 4 Tân Lập, Phường Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 35 Lô 4 Tân Lập, Phường Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội